

## Table of contents

User Manual .....	1-4
安裝指南 .....	5-8
Hướng dẫn sử dụng sản phẩm .....	9-12
Buku Panduan .....	13-16
Руководство по эксплуатации.....	17-20
دليل المنتج .....	21-24
Produkt handbook.....	25-28
Manuel du produit .....	29-32
Manual del producto .....	33-36
Ürün El Kitabı .....	37-40

# User Manual

## Preparing for Installation Package Contents

### Package Contents

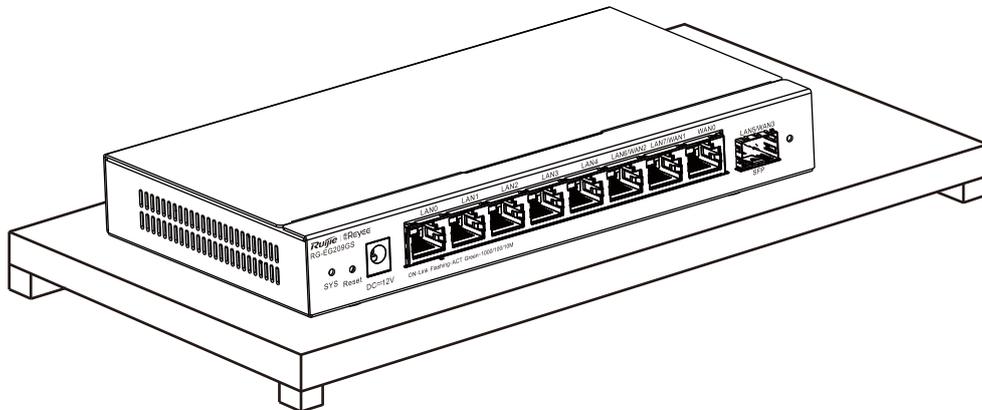
Item	Quantity	Remark
Router	1	
Foot pad	4	
Power adapter	1	
User Manual	1	
Warranty Card	1	

Log in to the official website of Ruijie Networks (<https://www.ruijienetworks.com>) and enter the corresponding product category to find the product and download the related documentation.

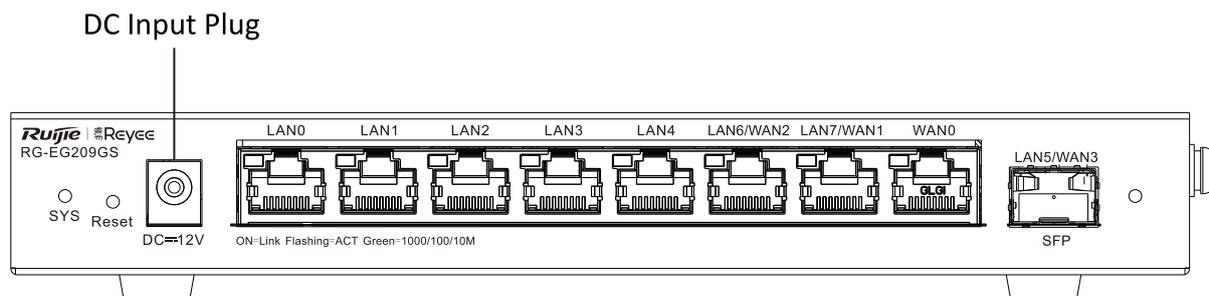
## Installation

### Installation Procedure

**Step 1** Lay the router flat on a workbench to ensure good ventilation.



**Step 2** Connect the adapter to the DC input plug.



## Network Configuration

### Method 1 (Recommended)

Scan the QR code on the device or in the manual to download the Ruijie Cloud App. Perform the intelligent networking and complete the network configuration based on the instructions on the App.

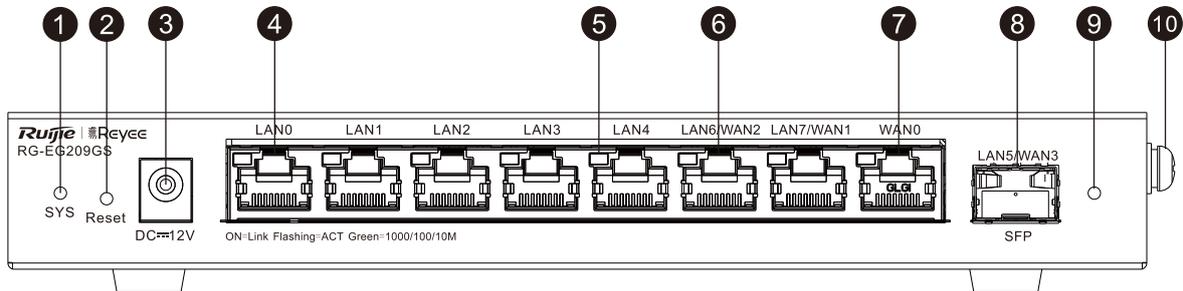


### Method 2

Connect the client to any LAN port of the device with a cable and visit <http://192.168.110.1> for network configuration. (Google Chrome browser is recommended.)

# Buttons and Ports

## Front Panel



- |                      |                                     |
|----------------------|-------------------------------------|
| 1. System Status LED | 6. Copper Port (LAN/WAN Switchable) |
| 2. Reset Button      | 7. WAN Port                         |
| 3. DC Input Plug     | 8. SFP Port (LAN/WAN Switchable)    |
| 4. LAN Port          | 9. SFP Port LED                     |
| 5. Link/ACT Port LED | 10. Ground Screw                    |

System Status LED	<p>Fast flashing (at 8 Hz): The router is starting up.</p> <p>Solid on: The router is functioning properly.</p> <p>Slow flashing (at 0.5 Hz): The network is unreachable.</p> <p>Flashing twice in succession: 1. The router is restoring factory default settings. 2. The router is upgrading the software.</p> <p>One long flash followed by three short flashes: The main program is missing.</p>
Reset Button	<p>Press for less than 2 seconds to reboot the router.</p> <p>Press for more than 5 seconds until the system LED flashes to restore the router to factory default settings. (The device does not respond if you press the Reset button for 2 to 5 seconds).</p> <p>After the router is restored to factory default settings, the default management address is <a href="http://192.168.110.1">http://192.168.110.1</a> (No password by default).</p>

# Specifications

Model		RG-EG209GS
Port Standards		IEEE 802.3, IEEE 802.3u, IEEE 802.3x, IEEE 802.3z
Ports		Eight 10/100/1000Base-T ports and one 1000Base-X SFP port, up to four WAN ports. (Default: One WAN port and eight LAN ports LAN 5, LAN 6 and LAN 7 can be switched to the WAN port.)
Power Consumption		< 18 W
Power Supply		AC Input Rated voltage range: 100 V AC to 240 V AC Maximum voltage range: 90 V AC to 264 V AC Frequency: 50 Hz/60 Hz Rated current: 0.7 A
Adapter DC Connector Specifications		Outer diameter: 5.5 mm (0.22 in.) Inner diameter: 2.1 mm (0.08 in.) Depth: 10.0 mm (0.39 in.) ± 0.5 mm (0.02 in.) Polarity symbol: the center (tip) of the output plug is positive (+) and the barrel (ring) of the output is negative (-).
Dimensions (W x D x H)		202 mm x 108 mm x 28 mm (7.95 in. x 4.25 in. x 1.10 in.)
Operating Environment	Operating Temperature	0°C to 40°C (32°F to 104°F)
	Operating Humidity	10% to 90% RH (non-condensing)
Storage Environment	Storage Temperature	-40°C to 70°C (-40°F to 158°F)
	Storage Humidity	5% to 95% RH (non-condensing)

CE Warning: The device may cause radio interference in the living environment.

# 安裝指南

## 安裝準備

### 包裝配件

#### 包裝配件清單

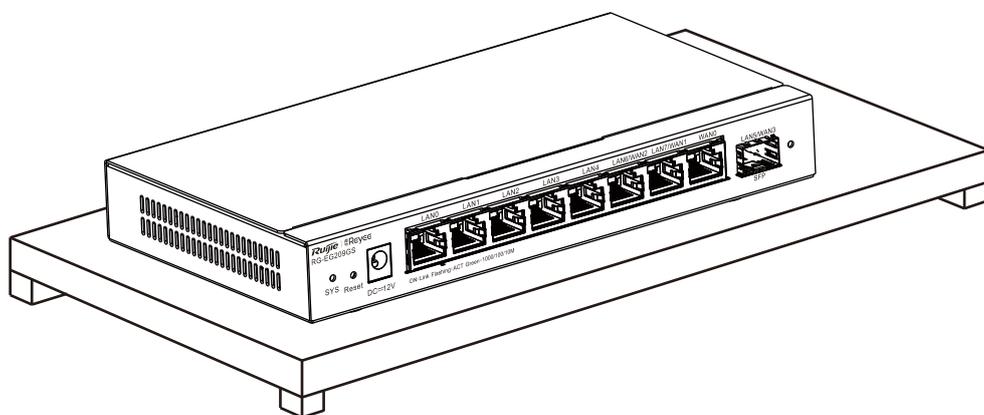
項目	名稱	數量	單位	備註
1	主機	1	部	
2	腳墊	4	個	
3	電源變壓器	1	個	
4	用戶指南	1	本	
5	保固手冊	1	本	

配套產品資料的獲取方法：瀏覽銳捷網絡官方網站 <https://www.ruijienetworks.com>，前往對應的產品類別找到該產品，即可下載產品配套的文件資料。

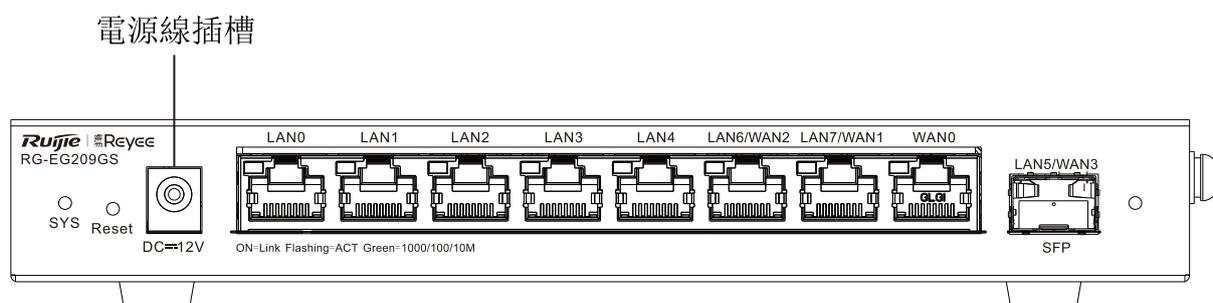
## 安裝及注意事項

### 安裝說明

- 1、將路由器平放在桌面上以確保四周通風良好，如下圖所示



## 2、參照下圖連接變壓器



## 網絡設定

### 方法 1 (推薦)

掃描裝置或手冊上的 QR 碼以下載 Ruijie Cloud APP。按照 APP 中指引進行智能組網，快速完成網絡安裝。

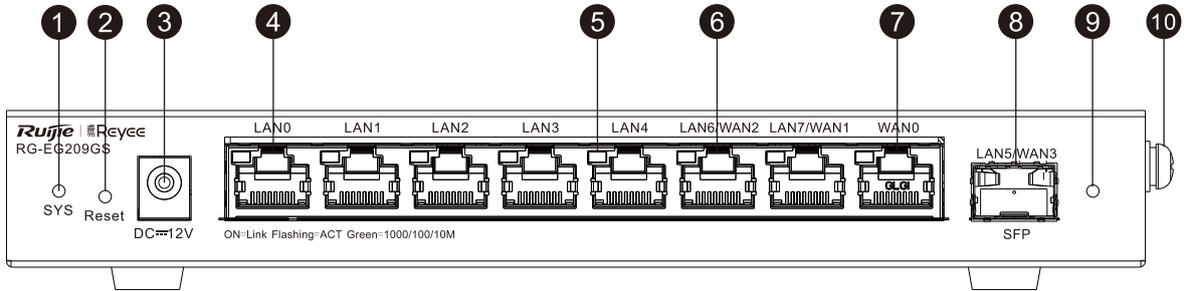


### 方法 2

將網絡線連接裝置任何一個 LAN 連接埠並存取 <http://192.168.110.1> 進行設定。(建議使用 Google Chrome)

# 連接埠資訊

## 前面板



- 注釋：
- |                     |                     |
|---------------------|---------------------|
| 1. 系統狀態指示燈          | 6. LAN/WAN 可切換電連接埠  |
| 2. 重設鍵              | 7. WAN 連接埠          |
| 3. 電源線插槽            | 8. LAN/WAN 可切換光纖連接埠 |
| 4. LAN 連接埠          | 9. SFP 指示燈          |
| 5. Link/ACT 電連接埠指示燈 | 10. 接地螺絲            |

系統狀態指示燈 快閃（每秒閃 8 下）：路由器正在啟動

說明 常亮：路由器啟動完成，正常運作

慢閃（每兩秒閃 1 下）：無法連接網絡

連續閃兩下：1.恢復原廠設定；2.版本升級

一長閃三慢閃：遺失主程式

重設鍵說明 2 秒以下，再放開按鈕，系統重新啟動；

5 秒以上，直至系統指示燈閃爍後再放開按鈕，系統恢復原廠設定並重新啟動  
（2s~5s 之間沒有任何動作）。

恢復原廠設定後，預設管理地址為 <http://192.168.110.1>（預設沒有密碼）

# 產品規格

型號	RG-EG209GS	
連接埠標準	IEEE 802.3、IEEE 802.3u、IEEE 802.3x、IEEE 802.3z	
連接埠	8 個 10/100/1000Base-T 連接埠，1 個 1000Base-X SFP 連接埠，支援最多 4 個 WAN 連接埠 (預設：1 個 WAN 連接埠，8 個 LAN 連接埠 LAN5, LAN6, LAN7 可以切換至 WAN 連接埠)	
整部機器功耗	<18W	
電源	變壓器交流 (AC) 輸入 額定電壓範圍：100-240VAC 最高電壓範圍：90-264VAC 頻率：50/60Hz 額定電流：0.7A	
變壓器 DC 插頭參數：	外直徑：5.5mm 內直徑：2.1mm 深度：10±0.5mm 極性：內正外負	
外形尺寸 (寬 x 深 x 高)	202mm*108mm*28mm	
工作環境	工作溫度	0 °C - 40 °C
	工作濕度	10%至 90% RH
儲存環境	儲存溫度	-40 °C - 70 °C
	儲存濕度	5%至 95% RH

**CE 警告：** 在住宅環境中使用本裝置可能會造成無線電干擾。

# Hướng dẫn sử dụng

Chuẩn bị lắp đặt  
Thành phần gói

## Thành phần gói

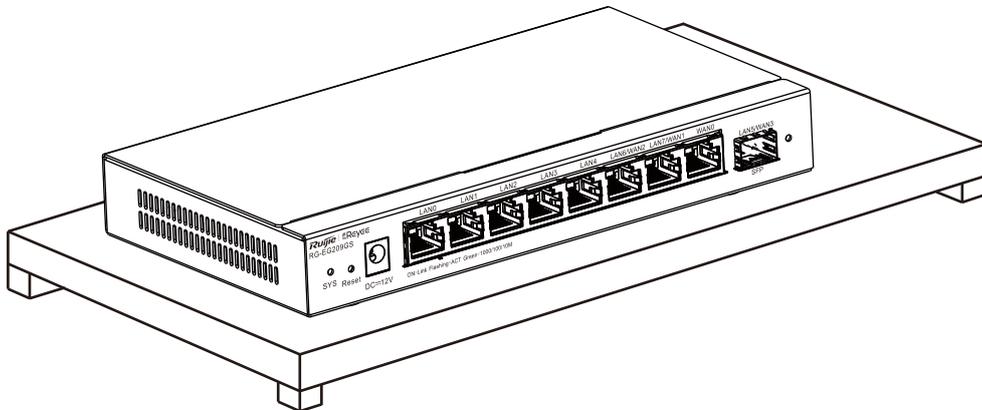
Mục	Số lượng	Chú thích
Bộ định tuyến	1	
Đệm chân đế	4	
Bộ nguồn	1	
Hướng dẫn sử dụng	1	
Thẻ bảo hành	1	

Đăng nhập vào trang web chính thức của Ruijie Networks (<https://www.ruijienetworks.com>) và nhập danh mục sản phẩm tương ứng để tìm kiếm sản phẩm và tải xuống tài liệu liên quan.

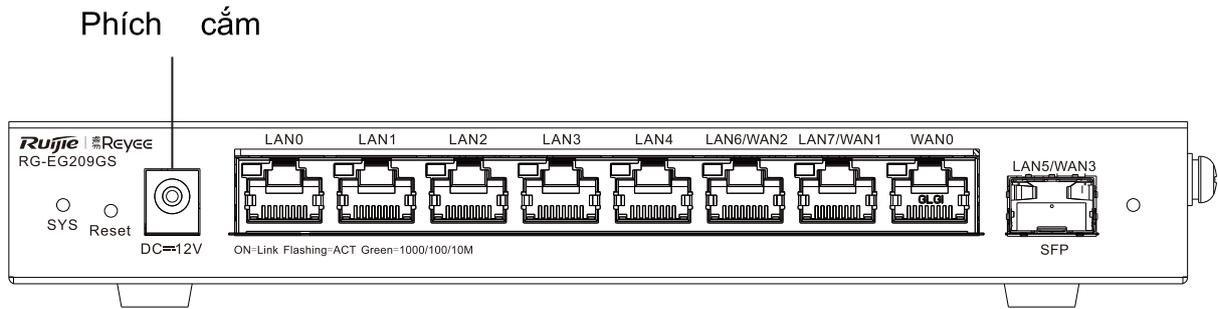
## Lắp đặt

### Quy trình lắp đặt

**Bước 1** Đặt bộ định tuyến ngay ngắn trên bàn làm việc để đảm bảo thông gió tốt.



## Bước 2 Kết nối bộ nguồn với phích cắm đầu vào DC.



## Cấu hình mạng

### Phương pháp 1 (Khuyến nghị)

Quét mã QR trên thiết bị hoặc trong sách hướng dẫn sử dụng để tải xuống Ứng dụng Ruijie Cloud. Thực hiện kết nối mạng thông minh và hoàn tất cấu hình mạng theo hướng dẫn trên Ứng dụng.

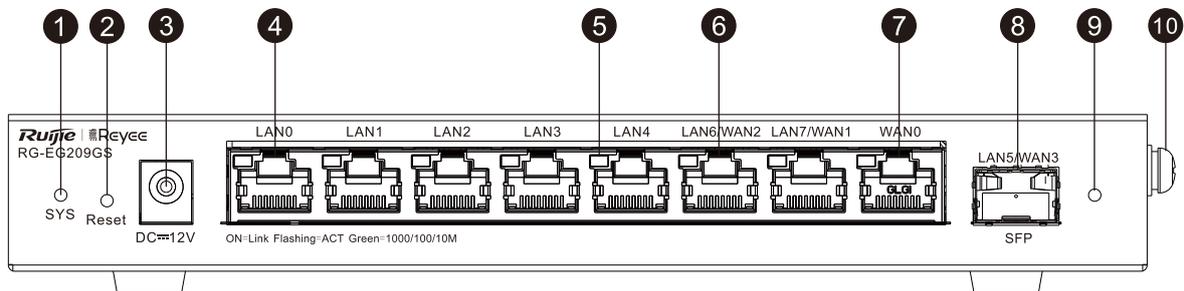


### Phương pháp 2

Kết nối máy khách với bất kỳ cổng LAN nào của thiết bị bằng dây cáp và truy cập <http://192.168.110.1> để biết thêm về cấu hình mạng. (Nên sử dụng trình duyệt Google Chrome.)

# Nút và cổng

## Bảng điều khiển phía trước



- |                                |  |
|--------------------------------|--|
| 1. Đèn LED trạng thái hệ thống | 6. Cổng Copper (cổng chuyển đổi LAN/WAN) |
| 2. Nút đặt lại                 | 7. Cổng WAN                              |
| 3. Phích cắm đầu vào DC        | 8. Cổng SFP (cổng chuyển đổi LAN/WAN)    |
| 4. Cổng LAN                    | 9. Cổng SFP LED                          |
| 5. Đèn LED cổng liên kết/ACT   | 10. Vít nối đất                          |

Đèn LED trạng thái hệ thống	Nhấp nháy nhanh (ở 8 Hz): Bộ định tuyến đang khởi động. Đèn sáng: Bộ định tuyến đang hoạt động bình thường. Nhấp nháy chậm (ở 0,5 Hz): Không thể truy cập mạng Nhấp nháy hai lần liên tiếp: 1. Bộ định tuyến đang tự đặt lại về cài đặt mặc định của nhà sản xuất. 2. Bộ định tuyến đang nâng cấp phần mềm. Một nháy chậm và ba nháy nhanh: Thiếu chương trình chính
Nút đặt lại	Nhấn và giữ không quá 2 giây để khởi động lại bộ định tuyến. Nhấn và giữ hơn 5 giây cho đến khi đèn LED hệ thống nhấp nháy để khôi phục bộ định tuyến về cài đặt mặc định của nhà sản xuất. (Thiết bị sẽ không phản hồi nếu bạn nhấn nút Đặt lại trong khoảng từ 2 đến 5 giây). Sau khi bộ định tuyến được khôi phục về cài đặt mặc định của nhà sản xuất, địa chỉ quản lý mặc định là <a href="http://192.168.110.1">http://192.168.110.1</a> (Không có mật khẩu mặc định).

# Thông số kỹ thuật

Model		RG-EG209GS
Tiêu chuẩn cổng		IEEE 802.3, IEEE 802.3u, IEEE 802.3x, IEEE 802.3z
Cổng		8 cổng 10/100/1000Base-T và 1 cổng 1000Base-X SFP, lên đến 4 cổng WAN. (Mặc định: 1 cổng WAN và 8 cổng LAN LAN 5, LAN 6 và LAN 7 có thể được chuyển sang cổng WAN.)
Mức công suất tiêu thụ		< 18 W
Nguồn cấp		Đầu vào AC Dải điện áp định mức: 100 V AC đến 240 V AC Dải điện áp tối đa: 90 V AC đến 264 V AC Tần số: 50 Hz/60 Hz Dòng điện định mức: 0,7 A
Thông số kỹ thuật Đầu nối bộ chuyển đổi DC		Đường kính ngoài: 5,5 mm (0,22 inch) Đường kính trong: 2,1 mm (0,08 inch) Độ sâu: 10,0 mm (0,39 inch) ± 0,5 mm (0,02 inch) Ký hiệu phân cực: tâm (đầu) của phích cắm đầu ra là dương (+) và trục tròn (vòng tròn) của đầu ra là âm (-).
Kích thước (R x S x C)		202 mm x 108 mm x 28 mm (7.95 inch x 4.25 inch x 1.10 inch)
Môi trường hoạt động	Nhiệt độ hoạt động	0°C đến 40°C (32°F đến 104°F)
	Độ ẩm hoạt động	10% đến 90% RH (không ngưng tụ)
Môi trường bảo quản	Nhiệt độ bảo quản	-40°C đến 70°C (-40°F đến 158°F)
	Độ ẩm lưu trữ	5% đến 95% RH (không ngưng tụ)

Cảnh báo CE: Thiết bị có thể gây nhiễu sóng vô tuyến trong môi trường sống.

# Buku Panduan

## Persiapan Instalasi Isi Paket

### Isi Paket

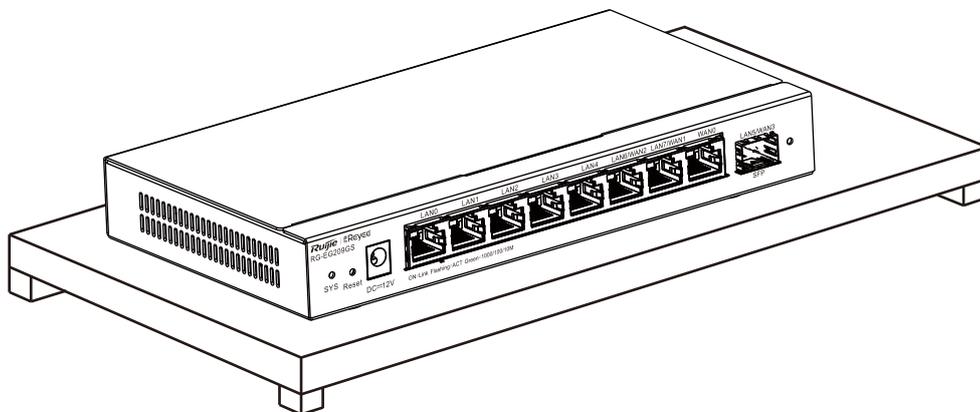
Barang	Jumlah	Catatan
Router	1	
Bantalan alas	4	
Adaptor daya	1	
Buku panduan	1	
Kartu garansi	1	

Masuk ke situs resmi Ruijie Networks (<https://www.ruijienetworks.com>) kemudian masuk ke kategori produk yang sesuai untuk mencari produk yang dimaksud lalu unduh dokumentasi terkait.

## Instalasi

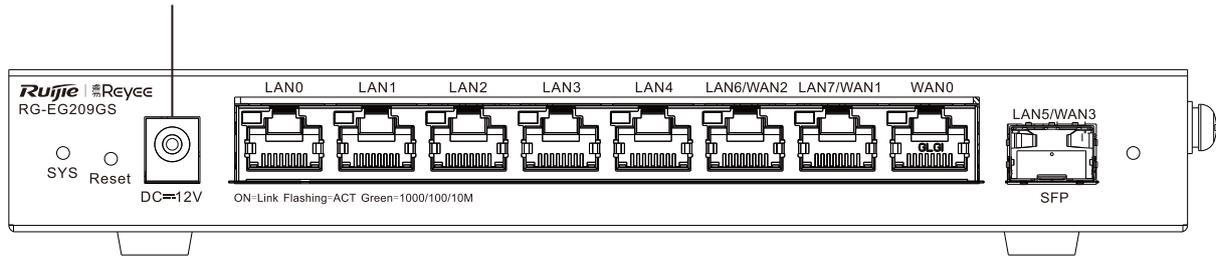
### Prosedur Instalasi

**Langkah 1** Simpan router di atas permukaan yang rata untuk menjaga sirkulasi udara.



**Langkah 2** Hubungkan adaptor ke masukan daya DC.

Masukan Daya DC



## Konfigurasi Jaringan

### Cara 1 (Direkomendasikan)

Pindai kode QR pada perangkat atau dalam buku panduan untuk mengunduh App Ruijie Cloud. Lakukan konfigurasi jaringan cerdas lalu selesaikan konfigurasi jaringan berdasarkan petunjuk pada App.

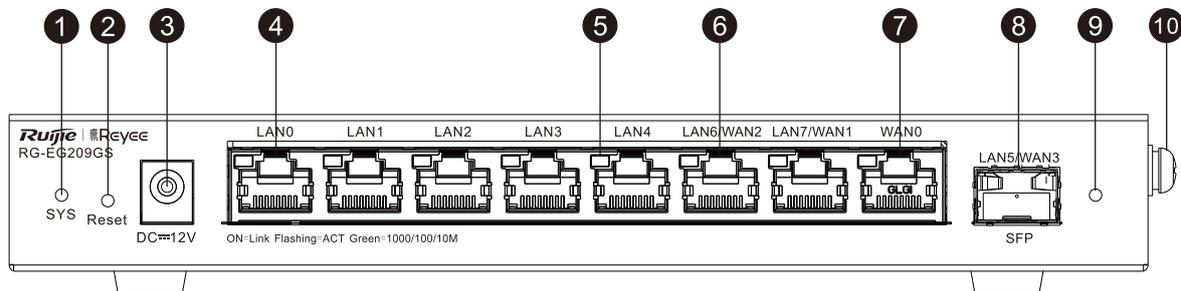


### Cara 2

Hubungkan klien ke port LAN manapun pada perangkat menggunakan kabel lalu kunjungi <http://192.168.110.1> untuk konfigurasi jaringan. (Disarankan menggunakan peramban Google Chrome.)

# Tombol dan Port

## Panel Depan



1. LED Status Sistem
2. Tombol Reset
3. Masukan Daya DC
4. Port LAN
5. LED Port Link/ACT
6. Port Tembaga (LAN/WAN dapat saling berganti)
7. Port WAN
8. Port SFP (LAN/WAN dapat saling berganti)
9. SFP Port LED
10. Sekrup Ground

LED Status Sistem	Berkedip cepat (pada 8 Hz): Router sedang menyala. Menyala terang: Router bekerja dengan baik. Berkedip lambat (pada 0.5 Hz): Jaringan tidak terjangkau. Berkedip dua kali berurutan: 1.Router mengembalikan pengaturan ke setelan pabrik. 2. Router memperbaiki perangkat lunak. Satu kedipan lama, diikuti oleh tiga kedipan pendek: Program utama menghilang.
Tombol Reset	Tekan kurang dari 2 detik untuk me-restart router. Tekan selama lebih dari 5 detik hingga LED sistem berkedip untuk mengembalikan setelan ke setelan pabrik. (Perangkat tidak merespon jika anda menekan tombol Reset selama 2 hingga 5 detik). Setelah router kembali ke setelan pabrik, alamat awal manajemen adalah <a href="http://192.168.110.1">http://192.168.110.1</a> (tanpa password sejak awal).

# Spesifikasi

Model		RG-EG209GS
Standar Port		IEEE 802.3, IEEE 802.3u, IEEE 802.3x, IEEE 802.3z
Port		Delapan port 10/100/1000Base-T dan satu port SFP 1000Base-X, hingga empat port WAN. (Awal: Satu port WAN dan delapan port LAN LAN 5, LAN 6 dan LAN 7 dapat dirubah menjadi port WAN.)
Konsumsi Daya		< 18 W
Suplai Daya		Masukan AC Rentang nilai voltase: 100 V AC to 240 V AC Rentang voltase maksimal: 90 V AC to 264 V AC Frekuensi: 50 Hz/60 Hz Nilai Arus: 0.7 A
Spesifikasi Konektor Adaptor DC		Diameter luar: 5.5 mm (0.22 in.) Diameter dalam: 2.1 mm (0.08 in.) Kedalaman: 10.0 mm (0.39 in.) ± 0.5 mm (0.02 in.) Simbol polaritas: bagian tengah (ujung) keluaran steker bernilai positif (+) dan bagian barel (cincin) steker bernilai (-).
Dimensi (P x L x T)		202 mm x 108 mm x 28 mm (7.95 in. x 4.25 in. x 1.10 in.)
Lingkungan Kerja	Temperatur Kerja	0°C hingga 40°C (32°F hingga 104°F)
	Kelembaban Kerja	10% hingga 90% RH (tidak berembun)
Lingkungan Penyimpanan	Temperatur Penyimpanan	-40°C hingga 70°C (-40°F hingga 158°F)
	Kelembaban Penyimpanan	5% hingga 95% RH (tidak berembun)

Peringatan CE: Perangkat dapat menyebabkan interferensi radio pada lingkungan sekitar.

# Руководство пользователя

Подготовка к установке  
Содержание коробки

## Содержание коробки

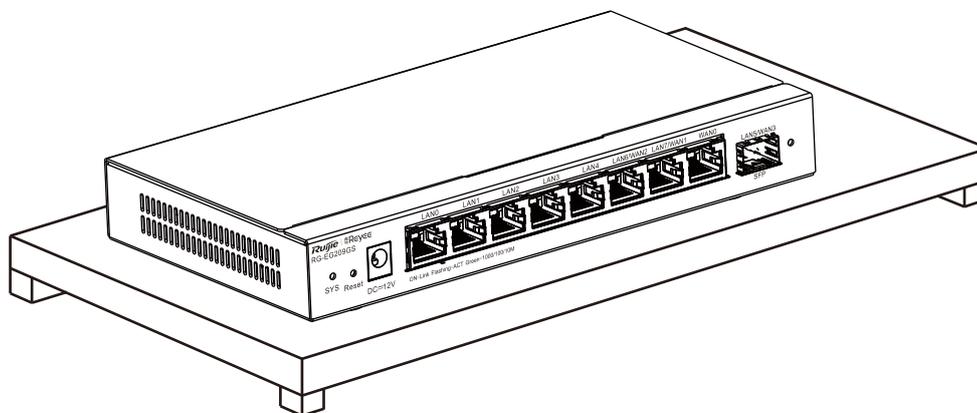
п/п	Количество	Примечание
Маршрутизатор	1	
Подкладка	4	
Блок питания	1	
Руководство пользователя	1	
Гарантийный талон	1	

Войдите на официальный сайт компании Ruijie Networks (<https://www.ruijienetworks.com>) и укажите соответствующую категорию продукта, чтобы найти его и загрузить сопутствующую документацию.

## Установка

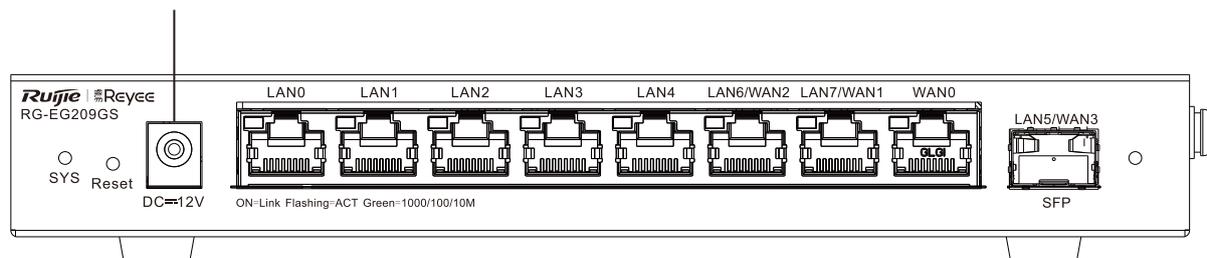
### Порядок установки

**1-й шаг** Положите маршрутизатор на ровную поверхность, чтобы обеспечить хорошую вентиляцию.



## 2-й шаг Подключите блок питания к входному разъему постоянного тока.

Входной разъем



## Конфигурация сети

### 1-й способ (рекомендуемый)

Для загрузки приложения Ruijie Cloud отсканируйте QR-код в руководстве пользователя или на самом устройстве. Подключитесь к сети и выполните ее настройку в соответствии с приведенными в приложении инструкциями.

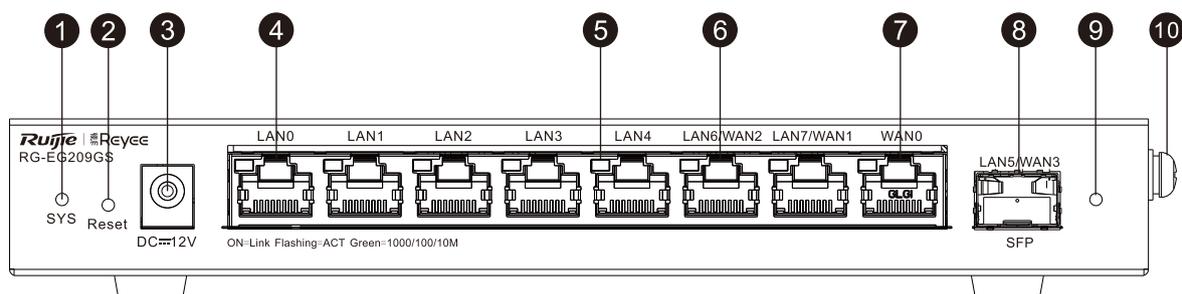


### 2-й способ

С помощью кабеля подключите клиент к любому LAN-порту устройства и зайдите на сайт <http://192.168.110.1> для настройки сети. (Рекомендуется использовать браузер Google Chrome)

# Кнопки и порты

## Передняя панель



- |  |   |
|--|---|
| 1. Светодиодный индикатор статуса системы        | 6. Медный порт (переключаемый LAN/WAN-порт) |
| 2. Кнопка сброса                                 | 7. WAN-порт                                 |
| 3. Входной разъем постоянного тока               | 8. SFP-порт (переключаемый LAN/WAN-порт)    |
| 4. LAN-порт                                      | 9. Светодиод SFP-порта                      |
| 5. Светодиод наличия/отсутствия соединения порта | 10. Винт заземления                         |

Светодиодный индикатор статуса системы

Быстрое мигание (при 8 Гц): Включение маршрутизатора.  
Стабильно горит: Нормальная работа маршрутизатора.  
Медленное мигание (при 0,5 Гц): Сеть недоступна.  
Мигает два раза подряд: 1. Маршрутизатор восстанавливает заводские настройки по умолчанию. 2. Маршрутизатор обновляет программное обеспечение.  
Одно длинное мигание и три коротких мигания: Основная программа отсутствует.

Кнопка сброса

Для перезагрузки маршрутизатора нажмите кнопку и удерживайте ее в течение не более 2 секунд.  
Для восстановления заводских настроек маршрутизатора по умолчанию нажмите кнопку и удерживайте ее более 5 секунд, пока не замигает системный светодиод. (Устройство не отвечает, если нажать кнопку сброса (Reset) и удерживать ее в течение 2 - 5 секунд).  
После восстановления заводских настроек маршрутизатора по умолчанию адрес управления по умолчанию станет <http://192.168.110.1> (без пароля).

# Технические характеристики

Модель		RG-EG209GS
Стандарты порта		IEEE 802.3, IEEE 802.3u, IEEE 802.3x, IEEE 802.3z
Порты		Восемь портов 10/100/1000Base-T и один SFP-порт 1000Base-X, до четырех WAN-портов. (По умолчанию: один WAN-порт и восемь LAN-портов Порты LAN 5, LAN 6 и LAN 7 могут быть переключены в режим WAN-портов)
Энергопотребление		< 18 Вт
Электропитание		Вход переменного тока Диапазон номинального напряжения: от 100 В переменного тока до 240 В переменного тока Максимальный диапазон напряжения: от 90 В переменного тока до 264 В переменного тока Частота: 50 Гц/60 Гц Номинальная сила тока: 0,7 А
Технические характеристики разъема постоянного тока блока питания		Внешний диаметр: 5,5 мм (0,22 дюйма) Внутренний диаметр: 2,1 мм (0,08 дюйма) Глубина: 10,0 мм (0,39 дюйма) ± 0,5 мм (0,02 дюйма) Полярность: в центр (на наконечнике) выходного штекера – положительный заряд (+), а на обжимной части (кольце) выхода – отрицательный (-).
Габаритные размеры (Ш x Г x В)		202 мм x 108 мм x 28 мм (7,95 дюйма x 4,25 дюйма x 1,10 дюйма)
Условия эксплуатации	Рабочая температура	0°C - 40°C (32°F - 104°F)
	Рабочая влажность	от 10% до 90% относительной влажности (без конденсации)
Условия хранения	Температура хранения	-40°C - 70°C (-40°F - 158°F)
	Влажность при хранении	от 5% до 95% относительной влажности (без конденсации)

Предупреждение CE: Устройство может создавать радиопомехи в жилых помещениях.

## التجهيز للتركيب محتويات العبوة

### محتويات العبوة

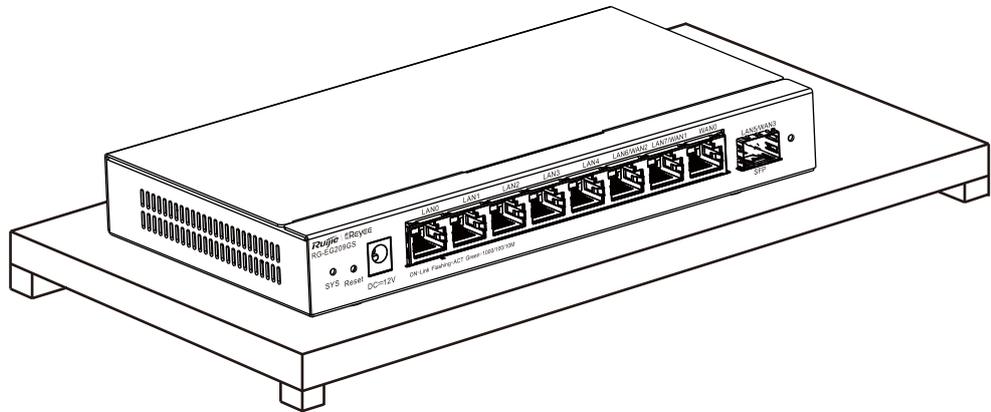
ملاحظة	الكمية	العنصر
	1	المُوجّه
	4	القاعدة السفلية
	1	محوّل الطاقة
	1	دليل المستخدم
	1	بطاقة الضمان

سجّل الدخول إلى موقع ويب Ruijie Networks الرسمي (<https://www.ruijienetworks.com>) وأدخّل فئة المنتج المقابلة للعثور على المنتج وتنزيل المستندات ذات الصلة.

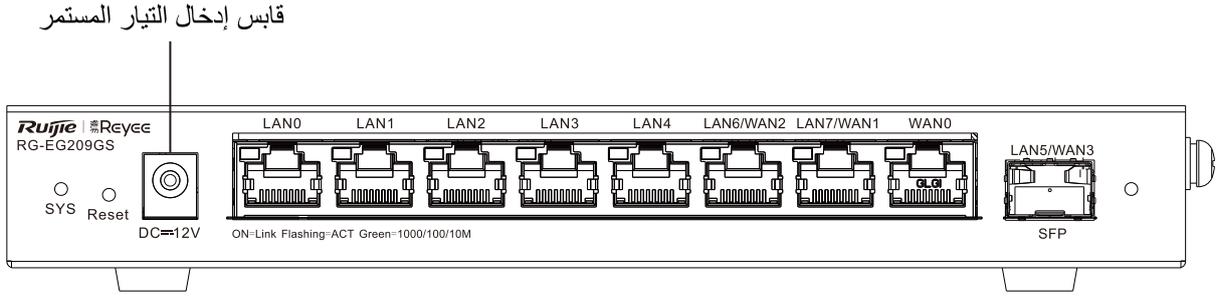
## التركيب

### إجراءات التركيب

**الخطوة 1** ضع الموجه في وضع أفقي ثابت على طاولة لضمان التهوية الجيدة.



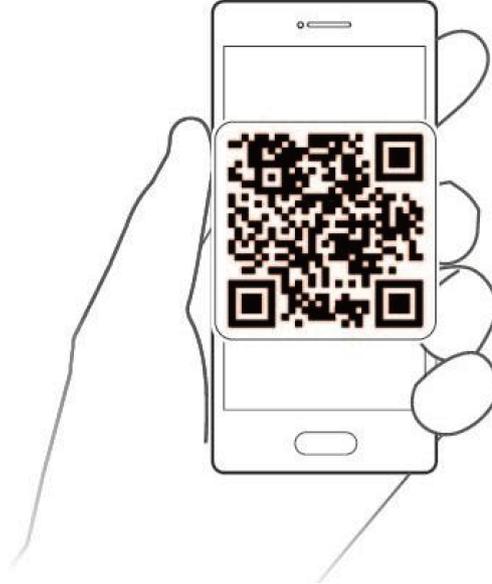
## الخطوة 2 صل المحوّل بقياس إدخال التيار المستمر.



## تهيئة الشبكة

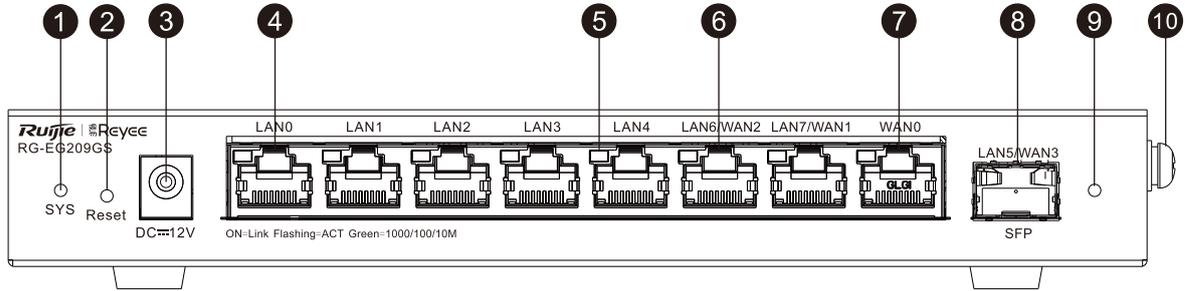
الطريقة 1 (موصى بها)

امسح ضوئياً رمز QR الموجود على الجهاز أو على الدليل لتنزيل تطبيق Ruijie Cloud. نفذ الربط الشبكي الذكي وأتمت تهيئة الشبكة حسب التعليمات الواردة بالتطبيق.



الطريقة 2

لتهيئة الشبكة؛ صل العميل بأي منفذ LAN بالجهاز باستخدام كابل و زر <http://192.168.110.1>. (يُوصى باستخدام متصفح Google Chrome).



- |                                  |   |
|----------------------------------|---|
| 1. مؤشر LED لبيان حالة النظام    | 6. منفذ نحاسي (منفذ LAN/WAN قابل للتبديل) |
| 2. زر إعادة التعيين Reset        | 7. منفذ WAN                               |
| 3. قابس إدخال التيار المستمر     | 8. منفذ SFP (منفذ LAN/WAN قابل للتبديل)   |
| 4. منفذ LAN                      | 9. مؤشر LED لمنفذ SFP                     |
| 5. مصباح بيان LED لمنفذ Link/ACT | 10. مسمار أرضي                            |

مؤشر LED لبيان حالة النظام	وميض سريع (على 8 هيرتز): الراوتر يبدأ التشغيل. ضوء ثابت: الراوتر يعمل بالطريقة الصحيحة. وميض بطيء (على 0.5 هيرتز): يتعذر الوصول للشبكة. وميض مرتين متواليتين: 1. الراوتر يستعيد الإعدادات الافتراضية للمصنع. 2. جارٍ ترقية الراوتر للبرنامج. وميض طويل واحد يتبعه ثلاث ومضات قصيرة: البرنامج الرئيسي مفقود.
زر إعادة التعيين Reset	اضغط لمدة نقل عن ثانيتين لإعادة تشغيل المُوجّه. الضغط لمدة تزيد على 5 ثوانٍ إلى أن تضيء مصابيح بيان النظام لأجل استعادة إعدادات ضبط المصنع للموجه. (لا يستجيب الجهاز إذا ضغطت على زر إعادة التعيين Reset لمدة 2 إلى 5 ثوانٍ). بعد استعادة الموجه إلى الإعدادات الافتراضية للمصنع، يكون عنوان الإدارة الافتراضي هو <a href="http://192.168.110.1">http://192.168.110.1</a> (بدون كلمة مرور افتراضيًا).

الطرز	RG-EG209GS	
معايير المنفذ	IEEE 802.3, IEEE 802.3u, IEEE 802.3x, IEEE 802.3z	
المنافذ	ثمانية منافذ بمعيار 10/100/1000Base-T ومنفذ SFP بمعيار 1000Base-X، حتى أربعة منافذ WAN. (الافتراضي: منفذ WAN واحد وثمانية منافذ LAN يمكن تغيير المنافذ LAN 5 و LAN 6 و LAN 7 لتكون منفذ WAN.)	
استهلاك الطاقة	> 18 واط	
وحدة إمداد الطاقة	إدخال التيار المتردد نطاق الجهد المُقَدَّر: 100 فولت تيار متردد إلى 240 فولت تيار متردد نطاق الجهد الأقصى: 90 فولت تيار متردد إلى 264 فولت تيار متردد التردد: 50 هرتز / 60 هرتز التيار المُقَدَّر: 0.7 أمبير	
مواصفات محول موصل التيار المستمر	القطر الخارجي: 5.5 مم (0.22 بوصة) القطر الداخلي: 2.1 مم (0.08 بوصة) العمق: 10.0 مم (0.39 بوصة) ± 0.5 مم (0.02 بوصة) رمز القطبية: مركز (طرف) القابس الخارجي يكون موجبًا (+) والقلب (الحلقة) للخارج سالبًا (-).	
الأبعاد (العرض × العمق × الارتفاع)	202 مم × 108 مم × 28 مم (7.95 بوصة × 4.25 بوصة)	
بيئة التشغيل	درجة حرارة التشغيل	ما بين صفر درجة مئوية إلى 40 درجة مئوية (32 فهرنهايت حتى 104 فهرنهايت)
	رطوبة التشغيل	10% إلى 90% رطوبة نسبية (بدون تكثيف)
بيئة التخزين	درجة حرارة التخزين	ما بين -40 درجة مئوية إلى 70 درجة مئوية (-40 فهرنهايت حتى 158 فهرنهايت)
	رطوبة التخزين	10% إلى 95% رطوبة نسبية (بدون تكثيف)

تحذير CE: قد يتسبب هذا الجهاز في التشويش على إشارة الراديو في بيئة المعيشة.

# Benutzerhandbuch

Vorbereitung für die Installation  
Verpackungsinhalt

## Verpackungsinhalt

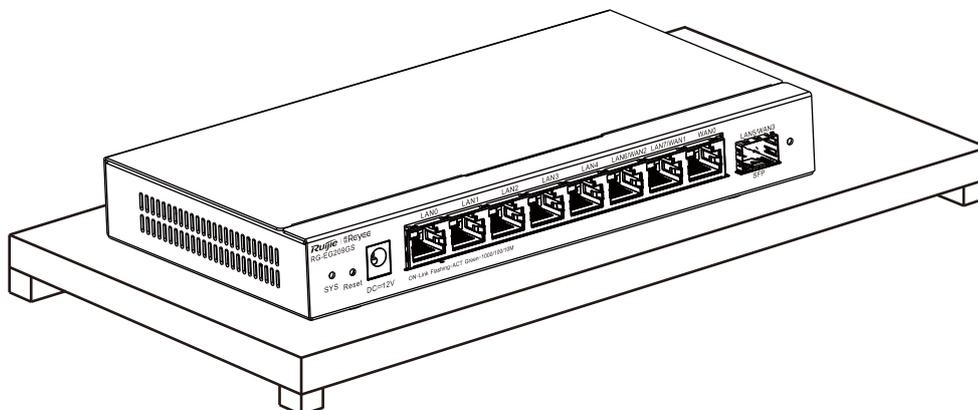
Artikel	Menge	Hinweis
Router	1	
Fußplatte	4	
Netzteil	1	
Benutzerhandbuch	1	
Garantieschein	1	

Melden Sie sich auf der offiziellen Website von Ruijie Networks (<https://www.ruijienetworks.com>) an und geben Sie die entsprechende Produktkategorie ein, um das Produkt zu finden und die damit verbundene Dokumentation herunterzuladen.

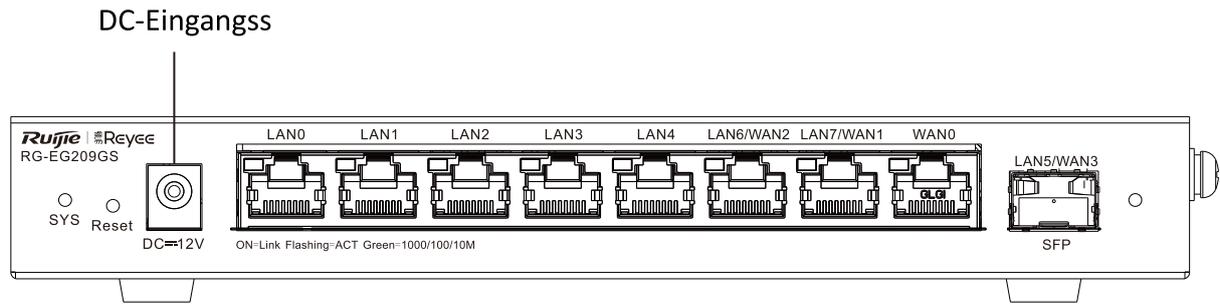
## Installation

### Installationsverfahren

**Schritt 1** Router flach auf den Arbeitstisch legen, um eine gute Lüftung zu gewährleisten.



## Schritt 2 Adapter am DC-Eingangsstecker anschließen.



## Netzwerkconfiguration

### Methode 1 (Empfohlen)

QR-Code auf dem Gerät oder im Handbuch scannen, um die Ruijie Cloud App herunterzuladen. Führen Sie die intelligente Netzwerkverbindung durch und stellen Sie die Konfiguration basierend auf den Anweisungen der App fertig.

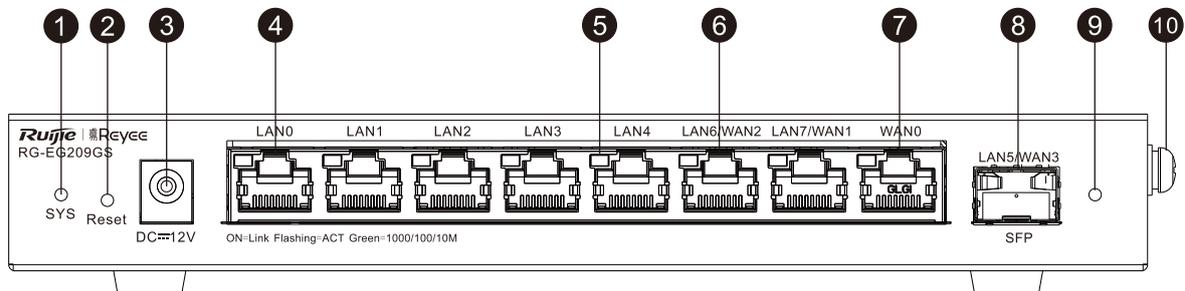


### Methode 2

Verbinden Sie den Client mit einem beliebigen LAN-Anschluss des Geräts mit einem Kabel und besuchen Sie <http://192.168.110.1> um das Netzwerk zu konfigurieren. (Google Chrome Browser wird empfohlen)

# Tasten und Anschlüsse

## Vorderes Bedienfeld



- |                           |  |
|---------------------------|--|
| 1. System-Status-LED      | 6. Kupferanschluss (LAN/WAN Schaltbar) |
| 2. Reset-Taste            | 7. WAN-Anschluss                       |
| 3. DC-Eingangsstecker     | 8. Kupferanschluss (LAN/WAN Schaltbar) |
| 4. LAN-Anschluss          | 9. SFP Anschluss LED                   |
| 5. Link/ACT Anschluss LED | 10. Erdungsschraube                    |

**System-Status-LED** Schnelles Blinken (bei 8 Hz): Der Router startet.  
Dauerleuchten: Der Router funktioniert ordnungsgemäß.  
Langsames Blinken (bei 0,5 Hz): Das Netzwerk ist nicht erreichbar.  
Zweimal hintereinander blinkend: 1. Der Router stellt die Werkseinstellungen wieder her. 2. Der Router aktualisiert die Software.  
Ein langes Blinken gefolgt von drei mal kurzem Blinken: Das Hauptprogramm fehlt.

**Reset-Taste** Weniger als 2 Sekunden lang drücken, um den Router neu zu starten.  
Länger als 5 Sekunden lang drücken, bis die System-LED blinkt, um den Router auf Werkseinstellungen zurückzusetzen. (Das Gerät reagiert nicht, wenn Sie die Reset-Taste zwischen 2 und 5 Sekunden lang drücken).  
Nach dem Zurücksetzen des Routers auf Werkseinstellungen, ist die Standard-Verwaltungsadresse <http://192.168.110.1> (Standardmäßig kein Passwort).

# Technische Eigenschaften

Modell		RG-EG209GS
Anschluss-Standards		IEEE 802.3, IEEE 802.3u, IEEE 802.3x, IEEE 802.3z
Anschlüsse		Acht 10/100/1000Base-T Anschlüsse und ein 1000Base-X SFP Anschluss, bis zu vier WAN-Anschlüsse. (Standard: Ein WAN-Anschluss und acht LAN-Anschlüsse LAN 5, LAN 6 und LAN 7 können auf den WAN-Anschluss umgeschaltet werden.)
Stromverbrauch		< 18 W
Stromversorgung		AC-Eingang Nennspannungsbereich: 100 V AC bis 240 V AC Maximaler Spannungsbereich: 90 V AC bis 264 V AC Frequenz: 50 Hz/60 Hz Nennstrom: 0,7 A
Netzteil DC Anschlusspezifikation		Außendurchmesser: 5,5 mm (0,22 in) Innendurchmesser: 2,1 mm (0,08 in) Tiefe: 10,0 mm (0,39 in) ± 0,5 mm (0,02 in) Polaritätssymbol: die Mitte (Spitze) des Ausgangssteckers ist positiv (+) und der Lauf (Ring) des Ausgangs ist negativ (-).
Maße (B x T x H)		202 mm x 108 mm x 28 mm (7,95 in x 4,25 in x 1,10 in)
Betriebsumgebung	Betriebstemperatur	0 °C bis 40 °C (32 °F bis 104 °F)
	Betriebsfeuchtigkeit	10 % bis 90 % rF (nicht kondensierend)
Lagerumgebung	Lagertemperatur	-40 °C bis 70 °C (-40 °F bis 158 °F)
	Lagerfeuchtigkeit	5 % bis 95 % rF (nicht kondensierend)

CE-Warnung: Dieses Gerät kann Funkinterferenzen in der lebenden Umwelt verursachen.

# Manuel utilisateur

Préparation de l'installation  
Contenu du package

## Contenu du package

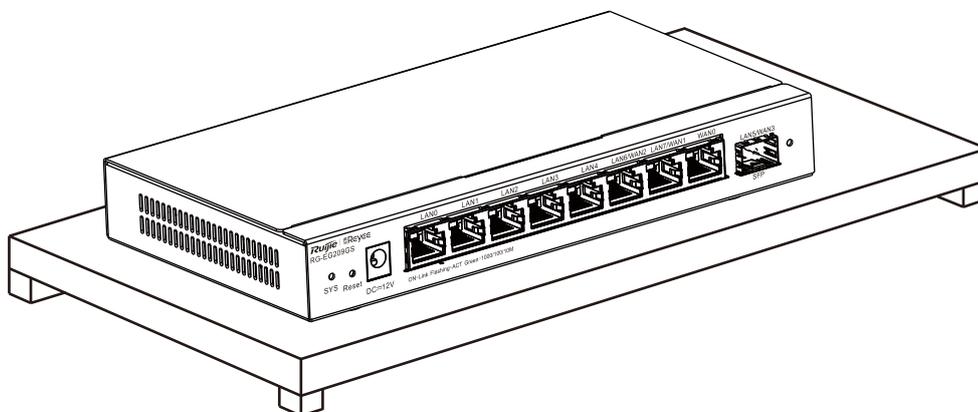
Élément	Quantité	Remarque
Routeur	1	
Coussinets de protection des pattes du routeur	4	
Adaptateur secteur	1	
Manuel utilisateur	1	
Carte de garantie	1	

Connectez-vous sur le site officiel de Ruijie Networks (<https://www.ruijienetworks.com>), puis saisissez le nom de la catégorie du produit recherché pour le trouver et télécharger la documentation associée.

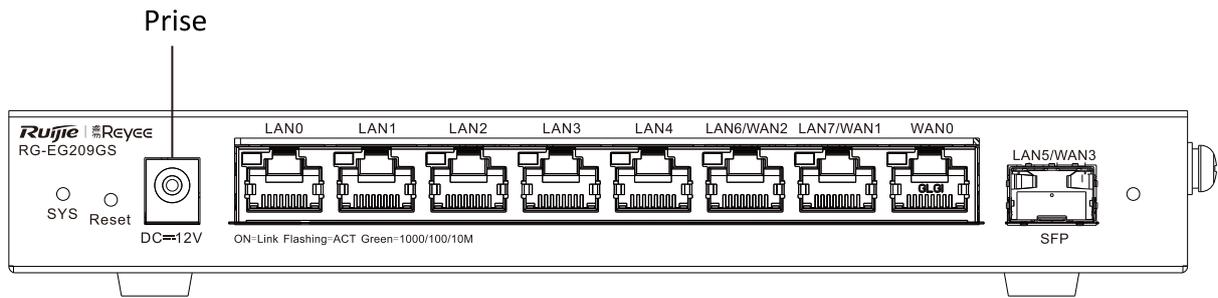
## Installation

### Procédure d'installation

**Étape 1** : posez le routeur sur une surface plane et rigide pour permettre une bonne ventilation.



## Étape 2 : connectez l'adaptateur à la prise d'entrée courant continu.



## Configuration des paramètres du réseau

### Méthode 1 (recommandée)

Scannez le Code QR sur l'équipement ou dans le manuel pour télécharger l'application Ruijie Cloud. Procédez à la mise en réseau intelligente et terminez la configuration des paramètres du réseau en suivant les instructions fournies par l'application.

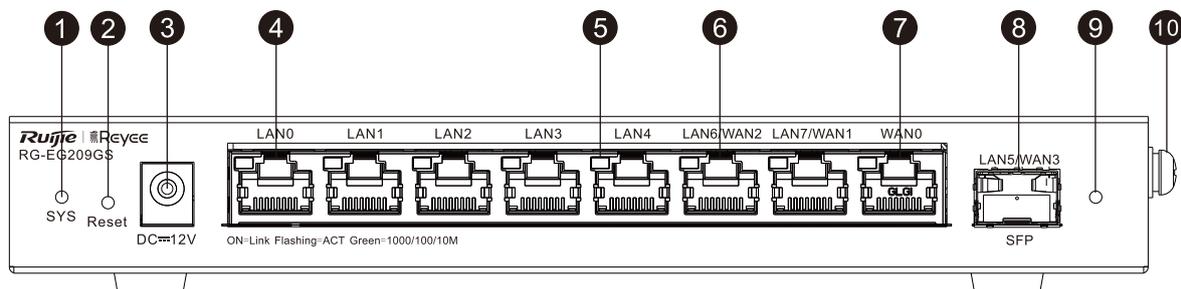


### Méthode 2

Connectez le client à n'importe quel port LAN du routeur à l'aide d'un câble Ethernet et saisissez l'adresse <http://192.168.110.1> dans la barre d'adresse d'un navigateur pour la configuration des paramètres du réseau. (Il est recommandé d'utiliser le navigateur Google Chrome.)

# Ports et boutons

## Face avant



- |                                   |   |
|-----------------------------------|---|
| 1. LED d'état du système          | 6. Port en cuivre (commutable LAN et WAN)                       |
| 2. Bouton de réinitialisation     | 7. Port WAN   |
| 3. Prise d'entrée courant continu | 8. Port SFP (Small form-factor pluggable) commutable LAN et WAN |
| 4. Port LAN                       | 9. LED du port SFP  |
| 6. LED du port Link/ACT           | 10. Vis de mise à la terre                                      |

LED d'état du système	<p>Clignotement rapide (à 8 Hz) : Le routeur est en train de démarrer</p> <p>Lumière fixe : Le routeur fonctionne correctement</p> <p>Clignotement lent (à 0,5 Hz) : Le réseau est inaccessible.</p> <p>Clignote 2 fois successivement : 1. Le routeur est en train de restaurer les paramètres d'usine par défaut. 2. Le routeur est en train de mettre à jour son système logiciel.</p> <p>Un long clignotement suivi de trois courts clignotements : Le programme principal est manquant</p>
Bouton de réinitialisation	<p>Appuyez sur le bouton de réinitialisation pendant moins de 2 secondes pour redémarrer le routeur.</p> <p>Appuyez sur le bouton de réinitialisation pendant plus de 5 secondes jusqu'à ce que le voyant LED du système clignote, pour rétablir la configuration d'usine du routeur. (Le routeur ne change pas d'état lorsque vous maintenez le bouton de réinitialisation appuyé entre 2 et 5 s).</p> <p>Lorsque la configuration d'usine du routeur est rétablie, son adresse de gestion par défaut est <a href="http://192.168.110.1">http://192.168.110.1</a> (par défaut, il n'y a pas de mot de passe).</p>

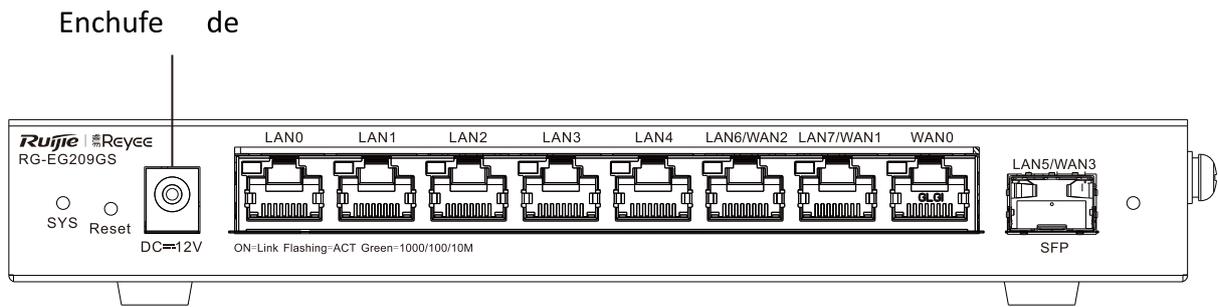
# Caractéristiques techniques

Modèle		RG-EG209GS
Normes des ports		IEEE 802.3, IEEE 802.3u, IEEE 802.3x, IEEE 802.3z
Ports		Huit ports 10/100/1000Base-T et un port SFP 1000Base-X, jusqu'à quatre ports WAN. (Par défaut : un port WAN et huit ports LAN. Les ports LAN 5, LAN 6 et LAN 7 peuvent être commutés sur le port WAN.)
Consommation électrique maximale		< 18 W
Alimentation		Entrée secteur Plage de tension nominale : entre 100 et 240 V CA Plage de tension maximale : entre 90 et 264 V CA Fréquence : 50/60 Hz Courant nominal : 0,7 A
Caractéristiques techniques du connecteur d'alimentation en courant continu de l'adaptateur		Diamètre externe : 5,5 mm Diamètre interne : 2,1 mm Profondeur : 10 mm ± 0,5 mm Symbole de polarité : le centre (pointe) de la fiche de sortie est positif (+) et le barillet (anneau) de la sortie est négatif (-).
Dimensions (L x P x H)		202 mm x 108 mm x 28 mm
Environnement de fonctionnement	Température de fonctionnement	Entre 0 et 40 °C
	Taux d'humidité en fonctionnement	Entre 10 et 90 % d'humidité relative (sans condensation)
Environnement de stockage	Température de stockage	Entre -40 et 70 °C
	Taux d'humidité de l'espace de stockage	Entre 5 et 95 % d'humidité relative (sans condensation)

Avertissement CE : L'équipement peut provoquer des interférences radio dans le milieu de vie.



## Paso 2 Conecte el adaptador al enchufe de entrada de CC.



## Configuración de la red

### Método 1 (recomendado)

Escanee el código QR en el dispositivo o en el manual para descargar la aplicación Ruijie Cloud. Realice la interconexión de red inteligente y complete la configuración de red según las instrucciones de la aplicación.

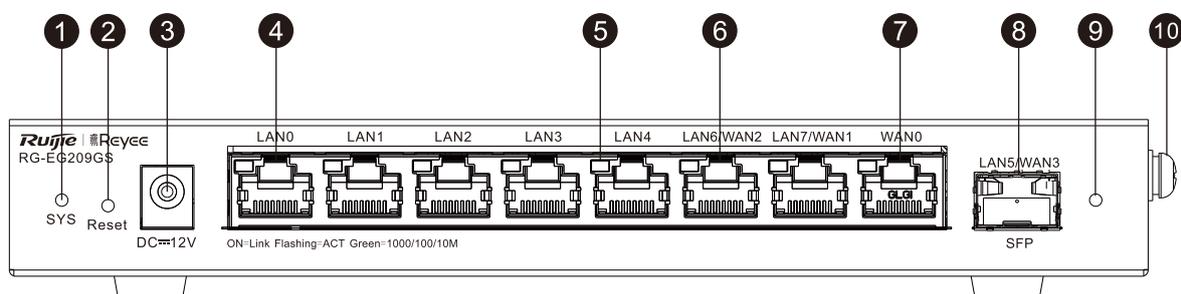


### Método 2

Conecte el cliente a cualquier puerto LAN del dispositivo con un cable y visite la dirección <http://192.168.110.1> para configurar la red. (Se recomienda el navegador Google Chrome).

# Botones y puertos

## Panel frontal



- |                              |   |
|------------------------------|---|
| 1. LED de estado del sistema | 6. Puerto de cobre (conmutable LAN/WAN) |
| 2. Botón Restablecer         | 7. Puerto WAN                           |
| 3. Enchufe de entrada de CC  | 8. Puerto SFP (conmutable LAN/WAN)      |
| 4. Puerto LAN                | 9. LED de puerto SFP                    |
| 5. LED de puerto Link/ACT    | 10. Tornillo de tierra                  |

LED de estado del sistema	<p>Parpadeo rápido (a 8 Hz): el router se está iniciando.</p> <p>Luz continua: el router funciona correctamente.</p> <p>Parpadeo lento (a 0,5 Hz): la red es inaccesible.</p> <p>Parpadeo dos veces seguidas: 1. El router está restableciendo la configuración predeterminada de fábrica. 2. El router está actualizando el software.</p> <p>Un parpadeo largo seguido de tres parpadeos cortos: falta el programa principal.</p>
Botón Restablecer	<p>Pulse durante menos de 2 segundos para reiniciar el router.</p> <p>Presione durante más de 5 segundos hasta que el LED del sistema parpadee para restablecer el router a la configuración predeterminada de fábrica. (El dispositivo no responde si se presiona el botón Reiniciar de 2 a 5 segundos).</p> <p>Después de restablecer el router a la configuración predeterminada de fábrica, la dirección de administración predeterminada es <a href="http://192.168.110.1">http://192.168.110.1</a> (sin contraseña por defecto).</p>

# Especificaciones

Modelo		RG-EG209GS
Puertos estándar		IEEE 802.3, IEEE 802.3u, IEEE 802.3x, IEEE 802.3z
Puertos		8 puertos 10/100/1000Base-T y 1 puerto SFP 1000Base-X, hasta 4 puertos WAN. (Predeterminado: 1 puerto WAN y 8 puertos LAN LAN 5, LAN 6 y LAN 7 se pueden cambiar al puerto WAN).
Consumo de energía		< 18 W
Fuente de alimentación		Entrada de CA: Rango de tensión nominal: 100 V CA a 240 V CA Rango de tensión máxima: 90 V CA a 264 V CA Frecuencia: 50 Hz/60 Hz Corriente nominal: 0,7 A
Especificaciones del conector CC del adaptador		Diámetro exterior: 5,5 mm (0,22 pulg.) Diámetro interior: 2,1 mm (0,08 pulg.) Profundidad: 10,0 mm (0,39 pulg.) ± 0,5 mm (0,02 pulg.) Símbolo de polaridad: el centro (punta) del enchufe de salida es positivo (+) y el barril (anillo) de la salida es negativo (-).
Dimensiones (An × Pr ×Al)		202 mm × 108 mm × 28 mm (7,95 pulg. × 4,25 pulg. × 1,10 pulg.)
Ambiente de trabajo	Temperatura de funcionamiento	0 °C a 40 °C (32 °F a 104 °F)
	Humedad de funcionamiento	10% a 90% humedad relativa (sin condensación)
Entorno de almacenamiento	Temperatura de almacenamiento	-40 °C a 70 °C (-40 °F a 158 °F)
	Humedad de almacenamiento	5% a 95% humedad relativa (sin condensación)

Advertencia CE: El dispositivo puede causar interferencias de radio en el entorno.

# Kullanıcı El Kitabı

## Kurulum için Hazırlık Paket İçeriği

### Paket İçeriği

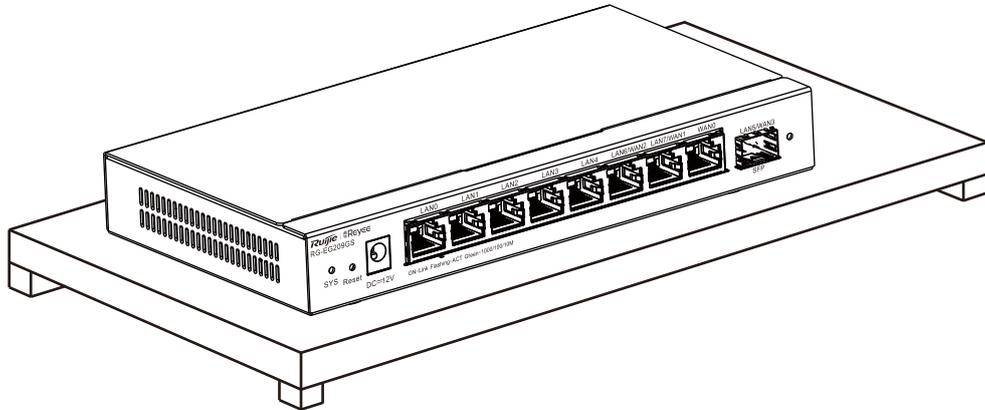
Öge	Miktar	Notlar
Yönlendirici	1	
Ayak tamponu	4	
Güç adaptörü	1	
Kullanıcı El Kitabı	1	
Garanti Kartı	1	

Ruijie Networks'ün resmi web sitesinde oturum açın (<https://www.ruijienetworks.com>) ve ürünü bulmak için ilgili ürün kategorisini girin ve ilgili dokümantasyonu indirin.

## Kurulum

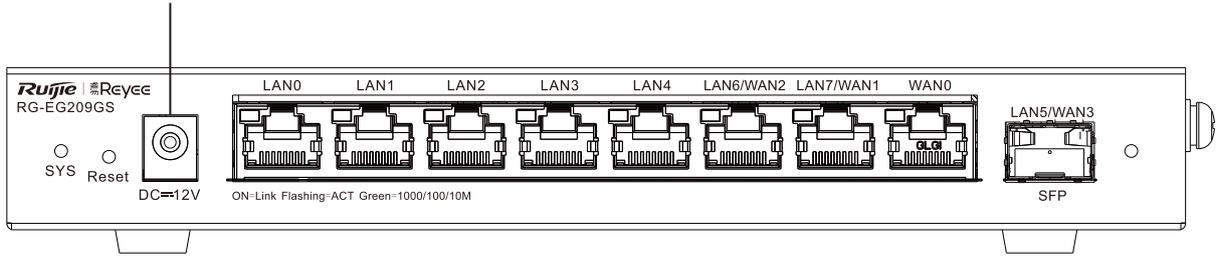
### Kurulum Prosedürü

**Adım 1** İyi bir havalandırma sağlamak için yönlendiriciyi bir çalışma tezgahı üzerine yatay olarak yerleştirin.



## Adım 2 Adaptörü DC giriş fişine bağlayın.

DC Giriş Yuvası



## Ağ Yapılandırması

### Yöntem 1 (Tavsiye Edilen)

Ruijie Bulut Uygulamasını karşıdan yüklemek için aygıt veya el kitabı üzerindeki Kare Kodu okutun. Akıllı ağ oluşturma özelliğini uygulayın ve Uygulamadaki talimatları baz alarak ağ yapılandırmasını tamamlayın.

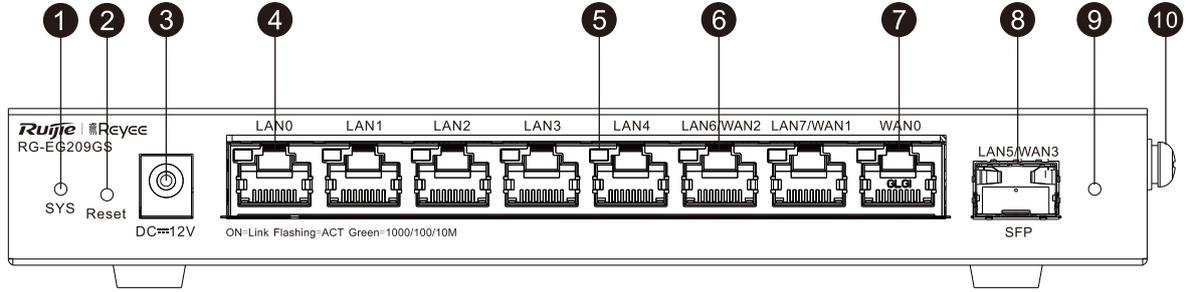


### Yöntem 2

İstemciyi bir kablo ile aygıtın herhangi bir LAN portuna bağlayın ve ağ yapılandırma için <http://192.168.110.1> adresini ziyaret edin. (Google Chrome tarayıcısını kullanmanız önerilir.)

# Düğmeler ve Portlar

## Ön Panel



1. Sistem Durum LED'i
2. Sıfırla (Reset) Düğmesi
3. DC Giriş Yuvası
4. LAN Portu
5. Link/ACT Portu LED'i
6. Bakır Port (LAN/WAN Ayarlanabilir)
7. WAN Portu
8. SFP Portu (LAN/WAN Ayarlanabilir)
9. SFP Portu LED
10. Topraklama Vidası

Sistem Durum LED'i	Hızlı bir biçimde yanıp sönüyor (8 Hz): Yönlendirici başlatılıyor. Sürekli yanıyor: Yönlendirici düzgün biçimde çalışıyor. Yavaş bir biçimde yanıp sönüyor (0.5 Hz): Ağa ulaşılamıyor. Ardı ardına iki kez yanıp sönüyor: 1. Yönlendirici varsayılan fabrika ayarlarına dönüyor. 2. Yönlendirici, yazılımı yükseltiyor. Bir defa uzun yanıyor ve ardından üç defa kısa yanıp sönüyor: Ana program eksik.
Sıfırla (Reset) Düğmesi	Yönlendiriciyi yeniden önyüklemek için bu düğmeye 2 saniyeden daha kısa bir süre basın. Yönlendiriciyi varsayılan fabrika ayarlarına döndürmek için sistem LED'i sürekli yanana kadar 5 saniyeden daha uzun süre bu düğmeye basın. (Sıfırla düğmesine 2 ila 5 saniye basarsanız aygıt yanıt vermez). Aygıt varsayılan fabrika ayarlarına döndükten sonra varsayılan yönetim adresi <a href="http://192.168.110.1">http://192.168.110.1</a> 'dir (Varsayılan olarak parola yoktur).

# Özellikler

Model	RG-EG209GS	
Port Standartları	IEEE 802.3, IEEE 802.3u, IEEE 802.3x, IEEE 802.3z	
Portlar	Sekiz adet 10/100/1000Base-T portu ve bir adet 1000Base-X SFP portu, dört adede kadar WAN portu. (Varsayılan: Bir WAN portu ve sekiz LAN portu LAN 5, LAN 6 ve LAN 7; WAN portuna geçirilebilir.)	
Güç Tüketimi	< 18 W	
Güç Kaynağı	AC Girişi Nominal gerilim aralığı: 100 V AC ila 240 V AC Maksimum gerilim aralığı: 90 V AC ila 264 V AC Frekans: 50 Hz/60 Hz Anma akımı: 0,7 A	
Adaptör Özellikleri	DC Konektör	Dış çap: 5,5 mm (0,22 inç) İç çap: 2,1 mm (0,08 inç) Derinlik: 10,0 mm (0,39 inç) ± 0,5 mm (0,02 inç) Polarite sembolü: Çıkış fişinin merkezi (uç) pozitif (+) ve çıkışın iç kısmı (halka) negatiftir (-).
Boyutlar (Genişlik x Derinlik x Yükseklik)	202 mm x 108 mm x 28 mm (7,95 inç x 4,25 inç x 1,10 inç)	
Çalışma Ortamı	Çalışma Sıcaklığı	0°C ila 40°C (32°F ila 104°F)
	Çalışma Nem Koşulları	%10 ila %90 Bağıl Nem (yoğuşmasız)
Depolama Ortamı	Depolama Sıcaklığı	-40°C ila 70°C (-40°F ila 158°F)
	Depolama Nem Koşulları	%5 ila %95 Bağıl Nem (yoğuşmasız)

CE Uyarısı: Aygıt, canlı ortamda radyo girişimine sebep olabilir.



